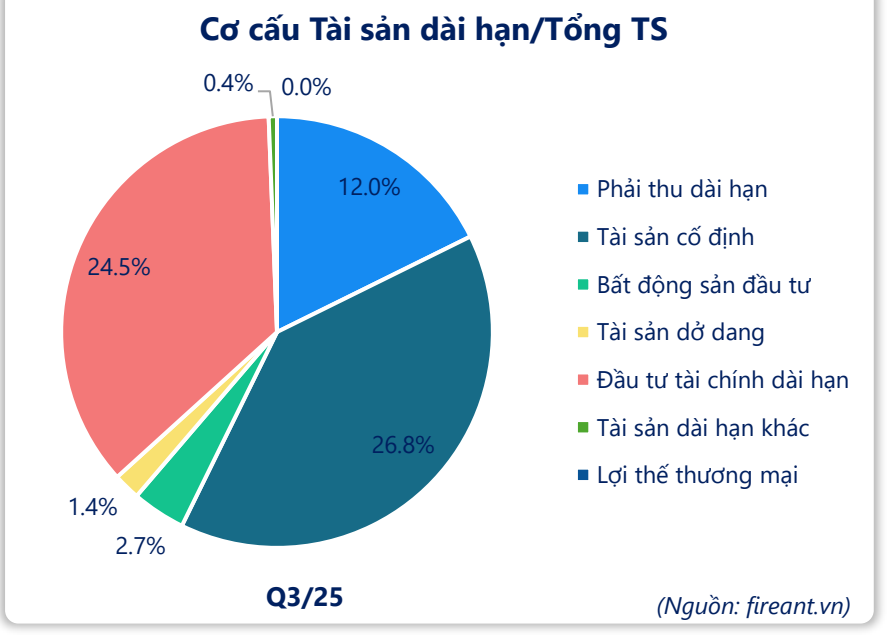
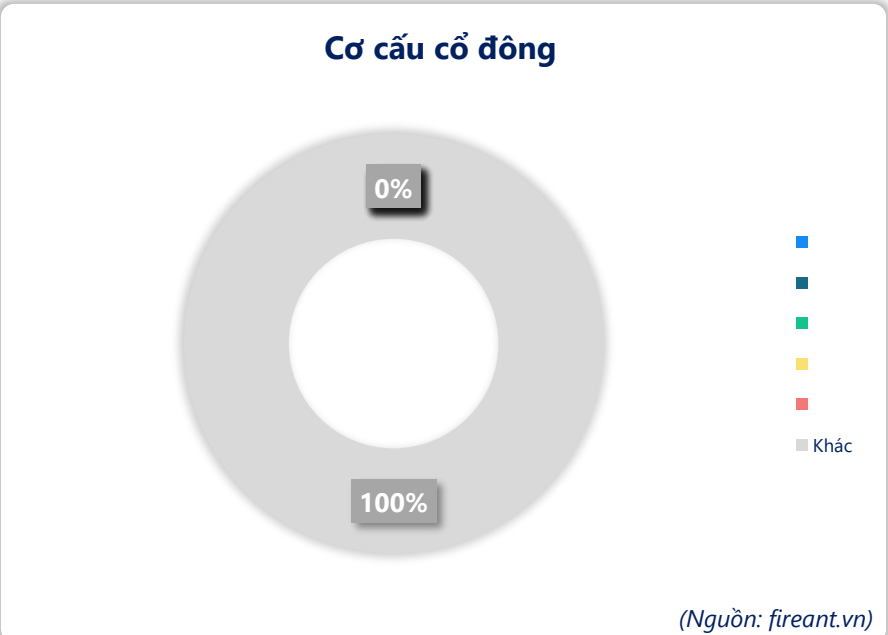
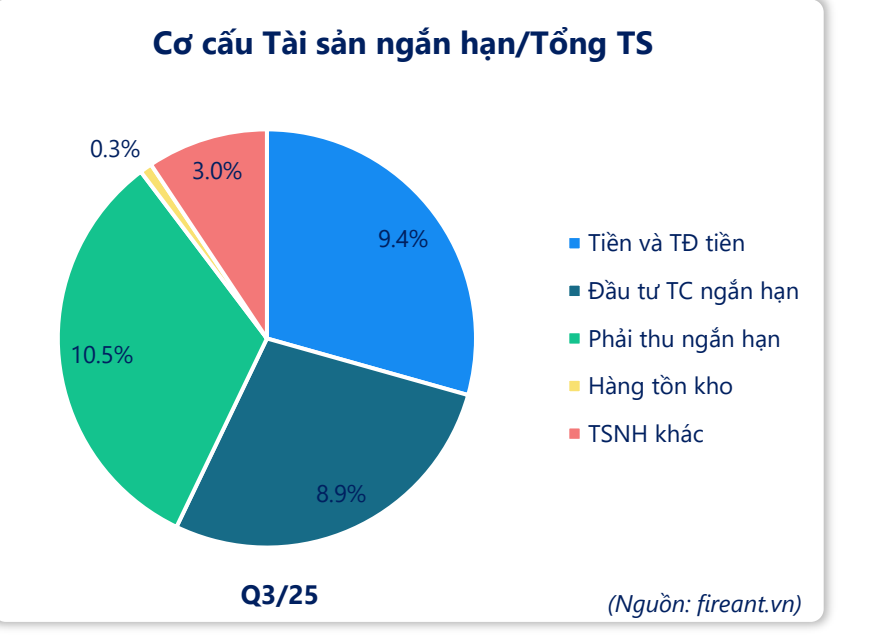
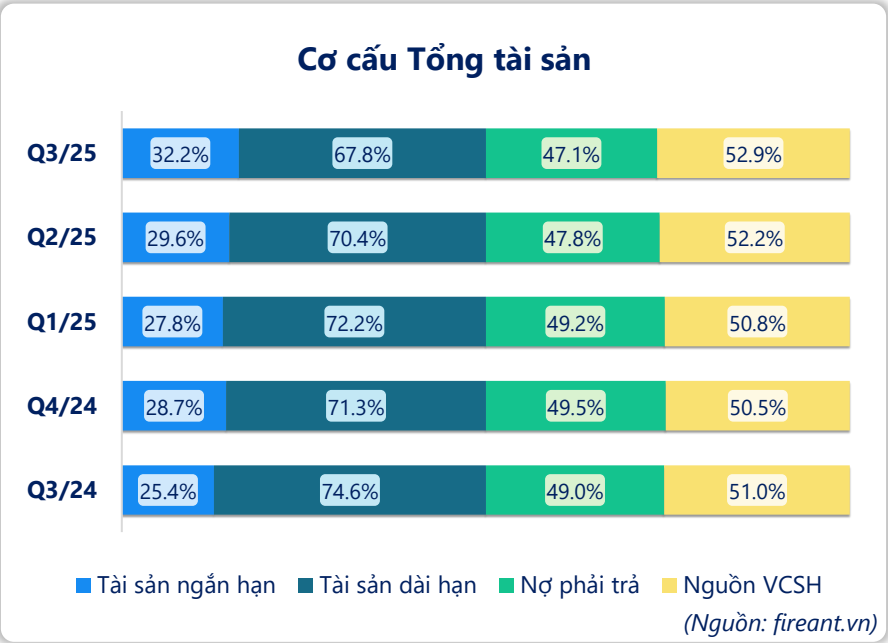
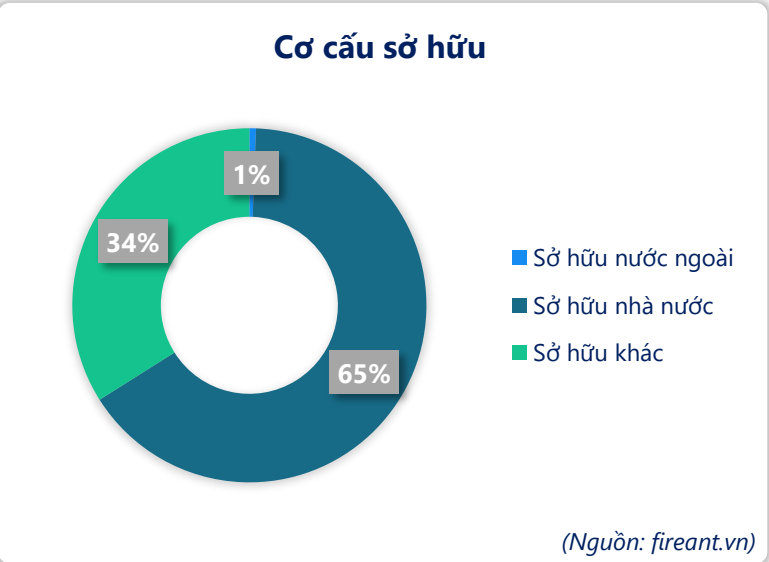
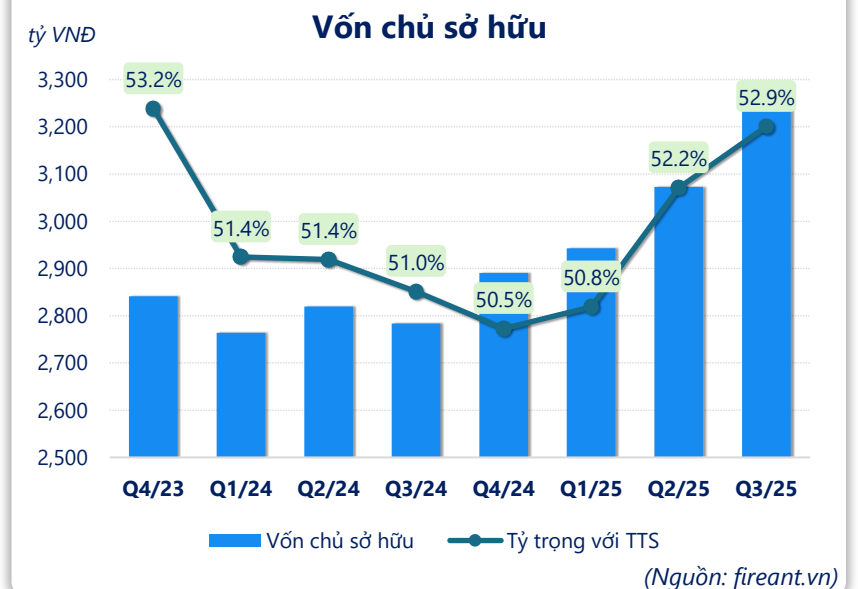
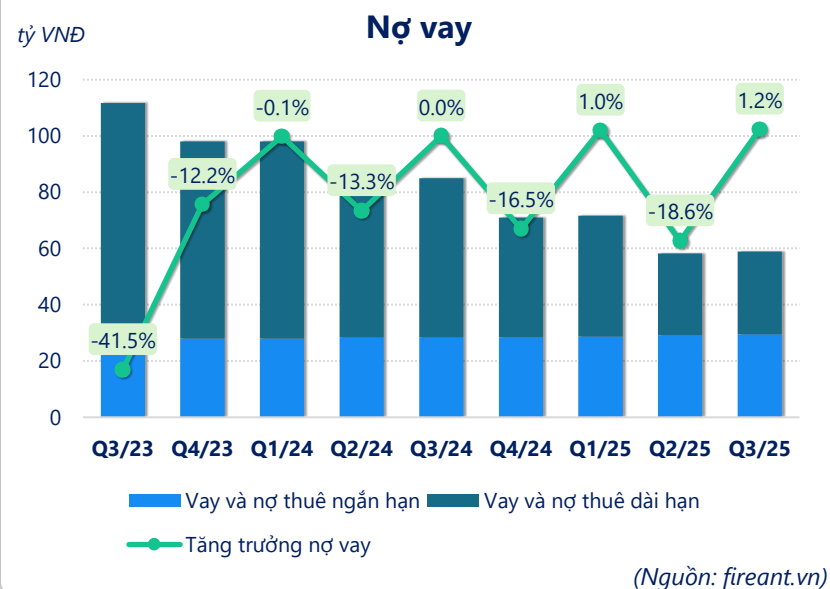
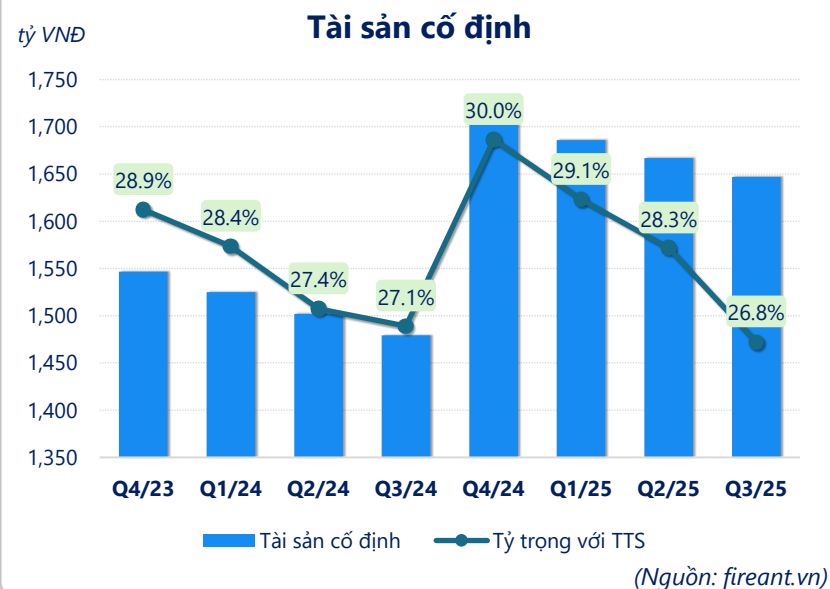
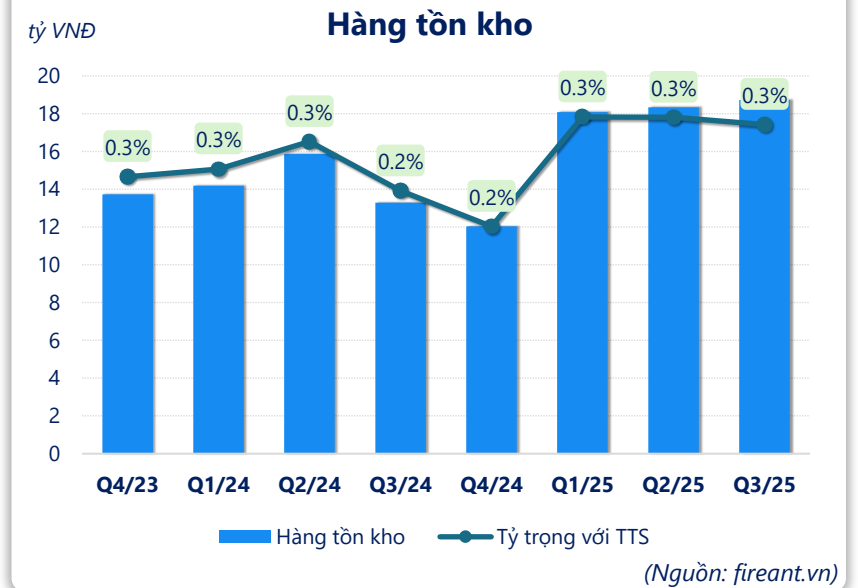
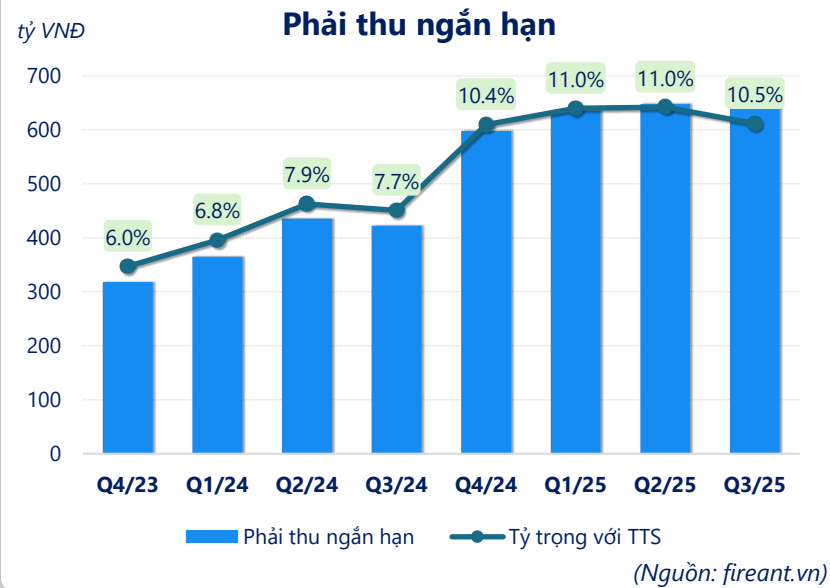
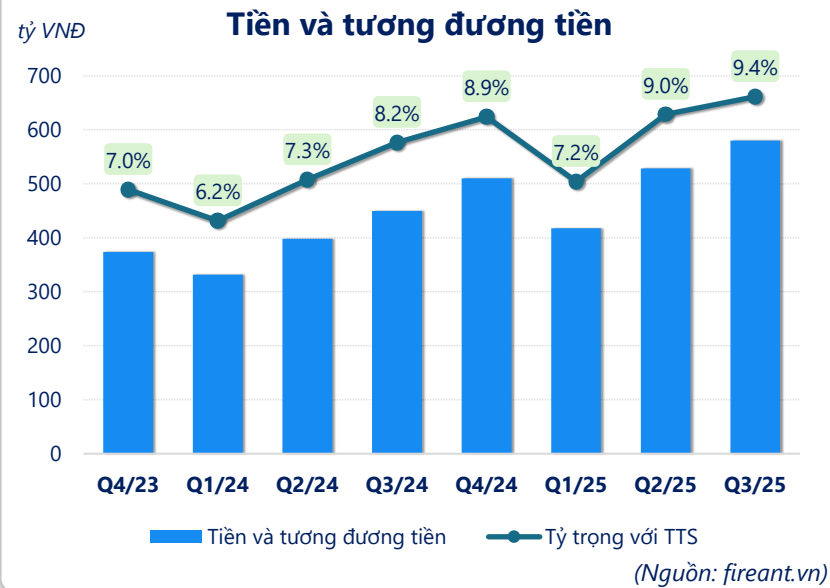
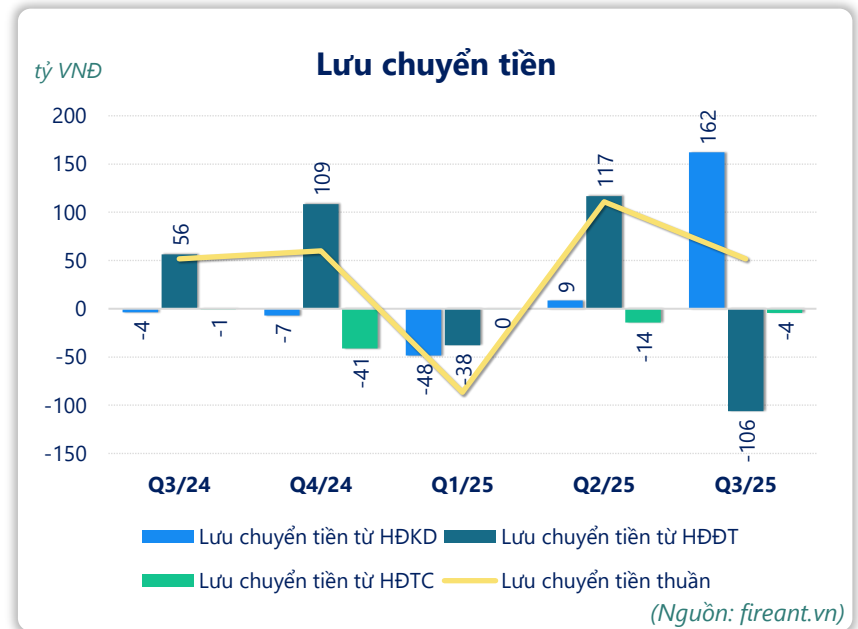
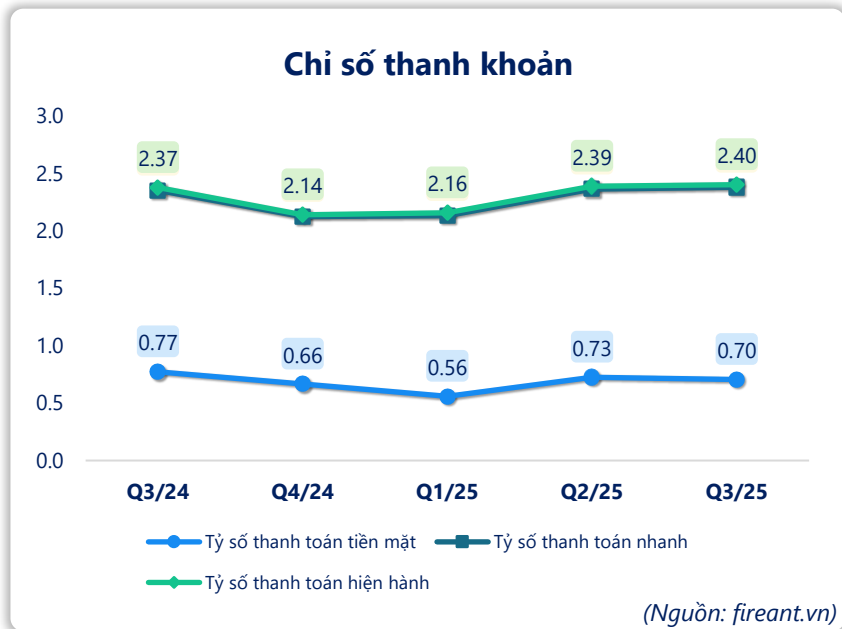
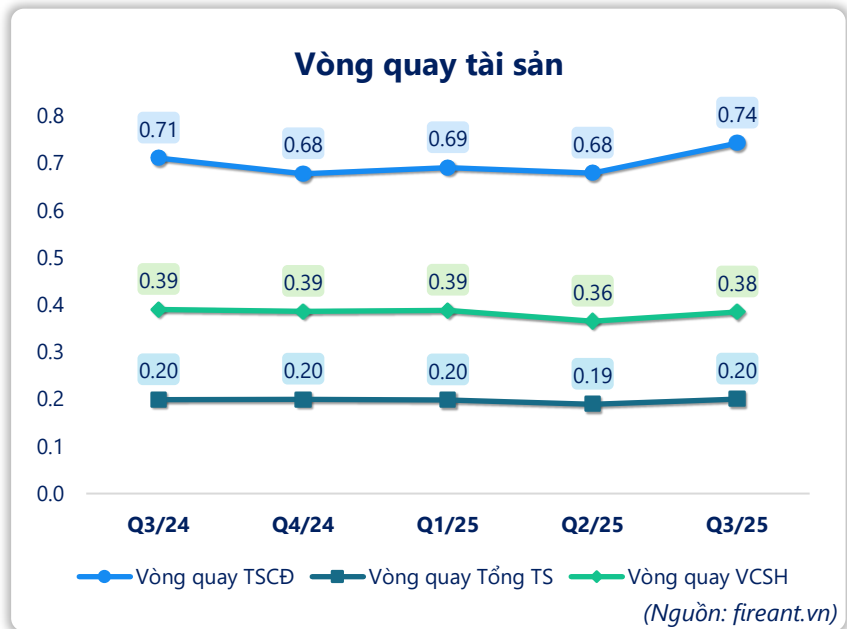
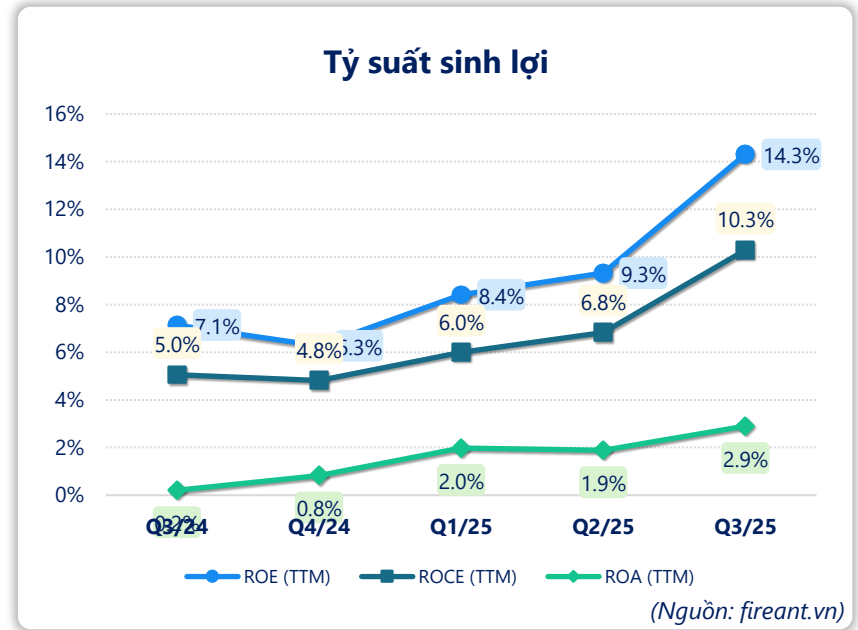
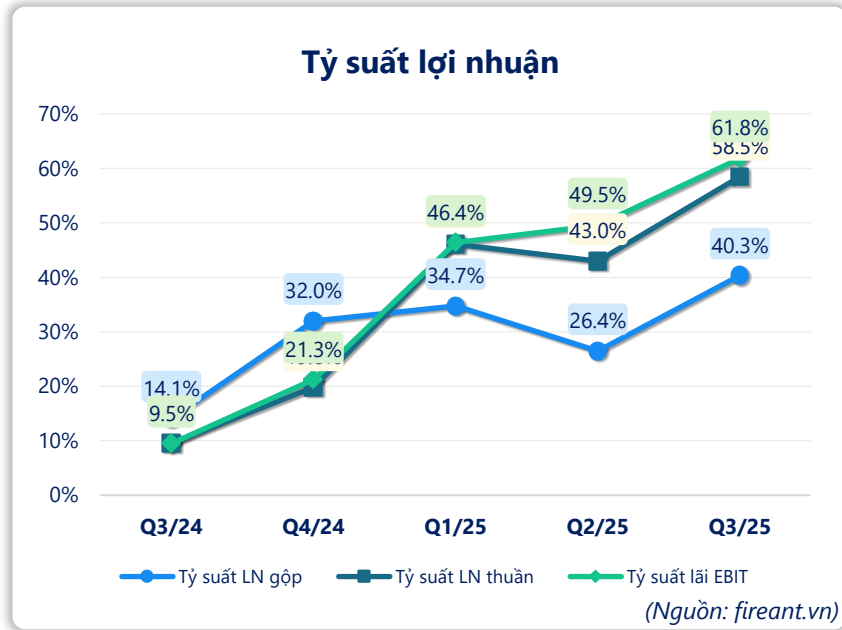
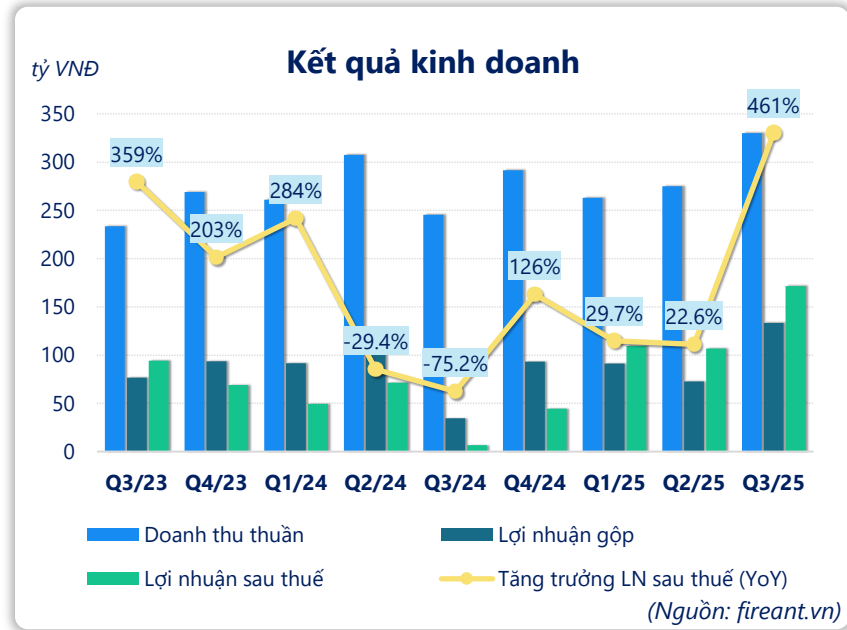


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		27,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		40,200
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		18,800
SL cổ phiếu LH		216,294,961
KLGD BQ 20 phiên (CP)		74,940
% sở hữu nước ngoài		0.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		5,905
P/E		13.7
EPS		1,995

	YTD	1T	3T	6T
SGP	-3.9%	-3.9%	-1.4%	-9.3%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	6,138	5,757	6.6%
Tài sản ngắn hạn	1,975	1,634	20.9%
Tiền và tương đương tiền	580	504	15.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	548	356	53.9%
Phải thu ngắn hạn	643	586	9.7%
Hàng tồn kho	18.7	16.2	15.3%
Tài sản ngắn hạn khác	185	171	7.9%
Tài sản dài hạn	4,163	4,123	1.0%
Phải thu dài hạn	737	816	-9.7%
Tài sản cố định	1,647	1,711	-3.7%
Bất động sản đầu tư	167	171	-2.4%
Tài sản dở dang	83.6	103	-18.9%
Đầu tư tài chính dài hạn	1,503	1,308	14.9%
Tài sản dài hạn khác	25.7	14.3	79.8%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	2,888	2,881	0.3%
Nợ ngắn hạn	823	767	7.2%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	29.5	28.3	4.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	70.7	64.7	9.1%
Nợ dài hạn	2,066	2,113	-2.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	29.5	42.5	-30.7%
Nguồn vốn chủ sở hữu	3,250	2,877	13.0%
Vốn chủ sở hữu	3,250	2,877	13.0%
Vốn điều lệ	2,163	2,163	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	245	292	263	275	330
Giá vốn hàng bán	211	198	172	202	197
Lợi nhuận gộp	34.6	93.3	91.4	72.7	133
Doanh thu HĐTC	11.8	219	18.8	37.6	57.4
Chi phí TC	1.13	208	9.05	7.72	9.68
Chi phí lãi vay	0.23	0.21	0.23	16.5	9.56
LN trong công ty LKLD	36.4	31.0	60.0	63.0	67.9
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	58.3	78.2	39.9	47.4	55.7
LN thuần từ HĐKD	23.4	57.8	121	118	193
Lợi nhuận khác	-0.37	3.94	0.48	1.52	1.50
LN trước thuế	23.0	61.8	122	120	195
Lợi nhuận sau thuế	6.55	44.6	110	107	171
LNST của CĐ cty mẹ	11.3	45.5	111	107	168

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-3.87	-7.16	-48.5	8.66	162
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	56.4	109	-38.0	117	-106
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.74	-41.2	-0.07	-14.5	-4.25
Tiền đầu kỳ	398	450	504	417	528
Lưu chuyển tiền thuần	51.8	60.1	-86.6	111	51.5
Ảnh hưởng tỷ giá	0.11	0.01	0.04	0.12	0.09
Tiền cuối kỳ	450	510	417	528	580

(Nguồn: fireant.vn)